

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **120/2022/HS-ST**

Ngày: 29-6-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Lệ Quyên

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Mai Lương Anh;

Bà Nguyễn Thị Phương Thuỳ.

-Thư ký phiên tòa: Ông Lê Nguyễn Hoàng Đức – Thư ký Toà án của Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Duyên - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 112/2022/TLST-HS ngày 20 tháng 5 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 127/2022/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 6 năm 2022 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Đậu Văn Đ**; sinh ngày 06 tháng 5 năm 1984, nơi sinh Thanh Hoá; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn H, xã H, thị xã N, tỉnh Thanh Hoá; nơi tạm trú: số 03 đường Đ, Phường D, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa: 02/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đậu Văn Q, sinh năm 1962 và bà Mai Thị T (chết); vợ: Phạm Thị H, sinh năm 1988; có 03 con: sinh năm 2007, 2010 và 2017; tiền án: tiền sự: không; Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; hiện đang tại ngoại tại phường D, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. *(Có mặt)*

- Người giám hộ cho bị cáo: Bà Phạm Thị H, sinh năm 1988; nơi cư trú: 03 đường Đ, Phường D, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng, là vợ bị cáo; *(Có mặt)*

- Người bào chữa cho bị cáo: Ông Nguyễn Huy T, Luật sư của Văn phòng luật sư Nguyễn Huy T, Đoàn luật sư tỉnh Lâm Đồng; *(Có mặt)*

-Bị hại: Chị Huỳnh Thị Mỹ D, sinh năm: 2002;

Hộ khẩu thường trú: Ấp A, xã L, huyện T, tỉnh An Giang;

Nơi tạm trú: thị trấn L, huyện L, tỉnh Lâm Đồng; (*Vắng mặt*)

-*Người làm chứng:*

1. Chị Lê Thị T1, (*Vắng mặt*)

2. Chị Huỳnh Thị D1, (*Vắng mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 07 giờ ngày 15/3/2021, do không có tiền tiêu xài nên Đậu Văn Đ đến bãi giữ xe tầng hầm siêu thị B (nay là siêu thị G) địa chỉ: Quảng trường L, Phường K, thành phố Đ để tìm tài sản trộm cắp. Khi đến khu vực H24 tầng hầm giữ xe của siêu thị thì Đ phát hiện xe mô tô Honda Airblade biển số 67N1-275... của chị Huỳnh Thị Mỹ D đang dựng ở đây và chìa khóa xe vẫn cắm trên ổ điện của xe, lúc này Đ lấy chìa khóa xe cất trong người rồi tiếp tục đi tìm tài sản khác trong bãi giữ xe nhưng không phát hiện tài sản gì để trộm cắp. Đến khoảng 10 giờ cùng ngày, Đ quay lại vị trí xe mô tô của chị D dùng chìa khóa xe đã lấy trước đó mở khóa xe, nổ máy điều khiển xe mô tô trên ra khu vực soát vé của bãi giữ xe thì bị chị Lê Thị T1 là bảo vệ của bãi xe phát hiện, bắt giữ và thông báo cho Công an Phường 10, thành phố Đà Lạt đến lập biên bản bắt người phạm tội quả tang. Tại cơ quan công an, Đ đã khai nhận toàn bộ hành vi của mình thực hiện như trên.

-*Vật chứng thu giữ:* 01 (một) xe mô tô Honda Airblade biển số 67N1- 275..., màu sơn: Xám Đen; Biển số: 67N1 - 275...; số máy: JF63A1773068; số khung: 6309FZ780019, không kiểm tra tình trạng chất lượng xe bên trong xe có 01 (một) bóp da kích thước 20x10cm; số tiền 200.000 (hai trăm nghìn) đồng tiền Việt Nam; 01 (một) bản photo sao y giấy đăng ký xe mô tô biển số 67N1- 275...; 01 (một) giấy chứng nhận bảo hiểm xe mô tô biển số 67N1- 275...; 01 (một) áo khoác trắng, 01 (một) quần jean màu xanh; 01 (một) thẻ giữ xe của Công ty dịch vụ bảo vệ VN, trên thẻ có chữ “GO!”; 01 (một) thẻ căn cước công dân số 038...017... mang tên Đậu Văn Đ.

Người bị hại: Chị Huỳnh Thị Mỹ D bị chiếm đoạt 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu honda Airblade; màu sơn: xám đen; biển số: 67N1-275... bên trong xe có 01 (một) bóp da kích thước 20x10cm; số tiền 200.000 (hai trăm nghìn) đồng tiền Việt Nam; 01 (một) bản photo sao y giấy đăng ký xe mô tô biển số 67N1- 275...; 01 (một) giấy chứng nhận bảo hiểm xe mô tô biển số 67N1- 275...; 01 (một) áo khoác trắng, 01 (một) quần jean màu xanh. Tại kết luận Đ giá số 53/KL-ĐG ngày 25/3/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Đà Lạt kết luận: 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu honda Airblade; màu sơn: xám đen; biển số: 67N1-275... trị giá là 28.200.000 (hai mươi tám triệu hai trăm nghìn) đồng; 01 áo khoác màu trắng, 01 bóp da kích thước 20x10cm và 01 quần Jean không còn giá trị mua bán.

Quá trình điều tra gia đình bị cáo cung cấp hồ sơ thể hiện việc bị cáo Đậu Văn Đ có biểu hiện tâm thần. Ngày 13/4/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố

Đà Lạt ra quyết định trưng cầu giám định pháp y tâm thần tại Viện Pháp y tâm thần Trung ương Biên Hoà đối với Đậu Văn Đ.

Tại Kết luận giám định pháp y tâm thần số 380/KL-VPYTW Ngày 27/5/2021 của Viện pháp y tâm thần Trung ương Biên Hoà có xác định:

- Về y học:

+ *Trước, trong, sau khi gây án và hiện nay*: Đương sự bị bệnh tâm thần phân liệt thể không biệt định, giai đoạn thuyên giảm không hoàn toàn (F20.24-ICD.10)

- Về khả năng nhận thức và điều khiển hành vi:

+ *Tại thời điểm gây án*: Đương sự bị hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi

+ *Hiện nay*: Đương sự đủ khả năng nhận thức và điều khiển hành vi

Cáo trạng số 113/CT-VKS ngày 19/5/2022 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng truy tố bị cáo Đậu Văn Đ về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình thực hiện như nội dung Cáo trạng mà Viện kiểm sát đã truy tố đối với bị cáo. Bị cáo, người giám hộ và người bào chữa cho bị cáo, không ai thắc mắc gì về nội dung bản cáo trạng, không thắc mắc khiếu nại gì về kết luận định giá tài sản, các quyết định tố tụng, hành vi tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

Người giám hộ cho bị cáo là bà Phạm Thị H không có ý kiến gì về lời khai của bị cáo và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng trình bày luận tội, tranh luận đối với bị cáo: giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Đậu Văn Đ về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung Cáo trạng số 113/CT-VKS ngày 19/5/2022. Qua phân tích đánh giá tính chất mức độ về hành vi phạm tội, tình tiết giảm nhẹ, nhân thân của bị cáo, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng đề nghị tuyên bố bị cáo Đậu Văn Đ phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

- *Về hình phạt*: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, q, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự: đề nghị xử phạt bị cáo Đậu Văn Đ từ 09 -12 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18-24 tháng.

Bị cáo, người giám hộ cho bị cáo không tranh luận gì với đại diện viện kiểm sát.

Luật sư Nguyễn Huy T bào chữa cho bị cáo tranh luận: Thống nhất về tội danh và khung hình phạt mà Viện kiểm sát truy tố với bị cáo. Tuy nhiên, bản thân bị cáo bị bệnh tâm thần, mặc dù đã ổn định nhưng cũng phải thường xuyên dùng thuốc, không thể tự lao động mà chỉ phụ vợ đi bán hàng rong; hoàn cảnh gia đình khó khăn, phải nuôi 03 con nhỏ, tài sản đã thu hồi trả cho bị hại và bị cáo cũng đã được bị hại xin bãi nại nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng những tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, q, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo mức hình phạt thấp

nhất mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị, cho bị cáo được hưởng án treo để tạo điều kiện cho bị cáo có cơ hội gần gia đình, cải tạo cải tạo trở thành người công dân có ích cho gia đình và xã hội cũng như tạo điều kiện cho bị cáo chữa bệnh.

Không ai tranh luận gì thêm.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo ăn năn hối cải và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Đà Lạt, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo, người giám hộ cho bị cáo, người bào chữa cho bị cáo; bị hại và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về tố tụng: bị hại chị D có đơn xin xét xử vắng mặt, người làm chứng chị T1, chị D1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do, tuy nhiên xét thấy sự vắng mặt của họ không làm ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án nên căn cứ Điều 292, 293 Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vụ án.

[3]. Về căn cứ kết tội bị cáo: Đối chiếu lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai trong quá trình điều tra, truy tố, phù hợp lời khai của bị hại và những người tham gia tố tụng khác, vật chứng thu giữ, kết luận định giá tài sản cùng các tài liệu chứng cứ thu thập có trong hồ sơ vụ án nên có đủ căn cứ xác định: ngày 15/3/2021, bị cáo Đậu Văn Đ đến bãi giữ xe tầng hầm siêu thị B (nay là siêu thị G) địa chỉ: Quảng trường L, Phường K, thành phố Đ lén lút trộm cắp 01 xe mô tô Honda Airblade biển số 67N1-275... của chị Huỳnh Thị Mỹ D trị giá 28.200.000 (hai mươi tám triệu hai trăm nghìn) đồng bên trong cốp xe có 01 chiếc bóp da có số tiền 200.000 (hai trăm nghìn) đồng. Hành vi của bị cáo Đậu Văn Đ thực hiện đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*”, tội phạm và hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Tại bản kết luận giám định pháp y tâm thần số 380/KL-VPYTW Ngày 27/5/2021 của Viện pháp y tâm thần Trung ương Biên Hoà kết luận bị cáo Đậu Văn Đ tại thời điểm gây án: bị hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi do bị bệnh tâm thần phân liệt thể không biệt định, giai đoạn thuyên giảm không hoàn toàn nên bị cáo vẫn phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi bị cáo đã thực hiện. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng truy tố bị cáo về tội “*Trộm cắp tài sản*” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, quá trình điều tra và tại phiên toà, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo bị hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi, được bị hại xin bãi nại nên áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, q, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để xem xét giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

[5]. Về quyết định hình phạt: Xét thấy bị cáo là người đã thành niên, tuy tại thời điểm phạm tội, bị cáo bị hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi nhưng vẫn có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, biết rõ hành vi trộm cắp tài sản của người khác là hành vi bị pháp luật nghiêm cấm nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Hành vi bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, không chỉ trực tiếp xâm phạm đến tài sản hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ mà còn gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự tại địa phương, gây hoang mang lo lắng trong quần chúng nhân dân. Tuy nhiên xét thấy bị cáo có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng, để thể hiện chính sách khoan H của pháp luật, tạo điều kiện để bị cáo gần gia đình cải tạo trở thành người công dân có ích cho xã hội nên không cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà chấp nhận đề nghị của đại diện viện kiểm sát và người bào chữa cho bị cáo, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát và đề nghị của người bào chữa, áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự cho bị cáo được hưởng án treo cũng đủ tác dụng răn đe, giáo dục cải tạo riêng đối với các bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[6]. Về hình phạt bổ sung: theo tài liệu chứng cứ thu thập có trong hồ sơ và lời khai của bị cáo tại phiên toà thể hiện bị cáo bị bệnh, không có việc làm, không có thu nhập, không có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[7]. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại chị D đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm nên không đề cập.

[8]. Về xử lý vật chứng: Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra Công an thành phố Đà Lạt đã xử lý vật chứng trả lại cho bị hại chị D 01 (một) xe mô tô Honda Airblade biển số 67N1- 275..., màu sơn: xám đen; biển số: 67N1 – 275...; 01 (một) bóp da kích thước 20x10cm; số tiền 200.000 (hai trăm nghìn) đồng tiền Việt Nam; 01 (một) bản phô tô sao y giấy đăng ký xe mô tô biển số 67N1- 275...; 01 (một) giấy chứng nhận bảo hiểm xe mô tô biển số 67N1- 275...; 01 (một) áo khoác trắng, 01 (một) quần jean màu xanh và 01 (một) thẻ giữ xe của Công ty dịch vụ bảo vệ VN, trên thẻ có chữ “GO!”; trả lại cho bị cáo 01 (một) thẻ căn cước công dân số 038...017... mang tên Đậu Văn Đ là đúng quy định của pháp luật.

[9]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1.Tuyên bố: Bị cáo Đậu Văn Đ phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

2. Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, q, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự: Xử phạt Đâu Văn Đ **09** (*chín*) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách **18** (*mười tám*) tháng kể từ ngày tuyên án.

Trong thời gian thử thách, giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường D, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng, nơi bị cáo cư trú (tạm trú) để giám sát, giáo dục bị cáo. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo qui định tại Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người giám hộ cho bị cáo, người bào chữa cho bị cáo có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh Lâm Đồng;
- VKS tỉnh Lâm Đồng;
- VKS TP. Đà Lạt;
- Công an TP. Đà Lạt;
- THADS TP. Đà Lạt;
- Sở tư pháp Lâm Đồng;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- BP theo dõi THA phạt tù;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký và đóng dấu)

Lê Thị Lệ Quyên